TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 01/2023/DS-ST Ngày 08/02/2023 *V/v : Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Minh và ông Trần Văn Tích

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 08/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 65/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXX-ST ngày 09/01/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Bà Nguyễn Thị Hoàng O, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số 53, tổ 14, khu phố 5, phường Trảng D, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện theo ủy quyền của bà O: Ông Nguyễn Quang T2, sinh năm 1976;

Trú tại: Số 17/8D tổ 11, khu phố 1A, phường Tân H, thành phố Biên H, tỉnh Đồng N

*** Bị đơn**: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1965;

Bà Trần Thị L, sinh năm 1972

Trú tại: Đội 9, thôn Viên Ch, xã Kim T, huyện Kim Th, tỉnh Hải D.

(Ông T2 vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt. Ông T, bà L có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn ông Tấn trình bày: Bà Obuôn bán thức ăn chăn nuôi nhỏ lẻ tại phường Trảng D, thành phố Biên H, tỉnh Đồng N nhưng không có đăng ký kinh doanh, có bán cám cho ông Phạm Văn T và bà Trần Thị L tại Ấp Bến Giảng, xã Phú An, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương để chăn nuôi heo tại nhà. Nay ông T và bà L đã

chuyển về địa phương cư ngụ tại địa chỉ: Đội 9, xã Kim Tân, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Trong quá trình ông T, bà L chăn nuôi do không có tiền mặt thanh toán ngay nên ông T và bà Lức xin được nợ lại số tiền đã mua cám. Tính từ thời điểm ngày 18/8/2016 đến ngày 29/8/2018 ông T và bà Lức còn nợ lại tiền cám của bà O với số tiền là 1.363.549.000 đồng. Sau đó ông T, bà L đã trả cho bà O số tiền 45.000.000 đồng. Số tiền còn nợ đến nay là 1.318.549.000 đồng. Số tiền ông T và bà Lức nợ này được xác nhận bằng giấy nợ viết tay và có hứa sẽ thanh toán nhưng đến nay ông T và bà Lức vẫn chưa thanh toán cho bà O. Bà O đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông T và bà L phải thanh toán số tiền nợ trên nhưng ông T và bà L lại cố tình trì hoãn và không có thiện chí trả nợ. Bà O xác định số tiền trên là tiền riêng của bà không liên quan gì đến chồng bà là ông Phạm Văn Thiệp. Nhận thấy quyền, lợi ích hợp pháp của bà O bị xâm phạm. Do vậy, với tư cách là người đại diện theo uỷ quyền của bà O, ông yêu cầu Toà án nhân dân huyện Kim Thành giải quyết buộc Tươi, bà L phải trả cho bà O số tiền nợ mua cám còn lại là 1.318.549.000 đồng. Ông tự nguyện không yêu cầu ông T, bà L phải trả lãi suất với số tiền nợ gốc trên.

Tại biên bản ghi lời khai bị đơn ông T, bà L trình bày: Việc Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương chuyển hồ sơ về Toà án nhân dân huyện Kim Thành để giải quyết ông bà nhất trí Toà án nhân dân huyện Kim Thành giải quyết, xét xử vụ án giữa bà O và vợ chồng ông bà về số tiền nợ mua cám. Ông bà có chăn nuôi lợn tại gia đình, không đăng ký kinh doanh gì và có lấy cám của bà O từ thời điểm năm 2016 – 2018, vì chưa có điều kiện trả ngay nên ông bà đã nợ lại tiền đã mua cám của bà O. Ông bà đã trả được 1 phần cụ thể là: Theo như giấy nhận nợ thì vợ chồng ông bà nợ bà O số tiền 1.363.549.000 đồng nhưng sau đó vợ chồng ông bà đã trả bà O làm nhiều lần trong năm 2018-2019 với tổng số tiền đã trả 45.000.000 đồng. Ông bà xác định đến thời điểm hiện tại ông bà còn nợ số tiền mua cám của bà O là 1.318.549.000 đồng. Nay bà O yêu cầu khởi kiện buộc ông bà phải trả số nợ trên thì ông bà hoàn toàn nhất trí, chữ ký trong giấy vay nợ là chữ ký của vợ chồng ông bà. Nhưng vì hiện tại kinh tế của vợ chồng ông bà còn khó khăn không thể trả ngay bà O được nên ông bà mong muốn bà O tạo điều kiện cho vợ chồng ông bà trả dần. Số nợ tiền cám trên là nợ chung của vợ chồng ông bà, không liên quan gì đến ai. Ông bà không bổ sung chứng cứ, tài liệu gì cho Toà án và không có ý kiến gì về những tài liệu mà nguyên đơn giao nộp và tài liệu chứng cứ do Toà án thu thập được.

Tại bản tự khai ông Phạm Văn Th xác định: Ông và bà Nguyễn Thị Hoàng O có mối quan hệ vợ chồng, trong quá trình sống chung ngoài việc làm kinh tế chung thì vợ ông là bà Oanh còn làm kinh tế riêng là buôn bán cám, nguồn thu nhập từ việc kinh doanh cám bà Oanh không sử dụng vào mục đích hôn nhân nên ông không biết và không liên quan đến số tiền bán cám với ông T, bà L, đó là số tiền riêng của bà O. Do vậy, ông đề nghị Toà án không mời ông tham gia vụ án

với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ông xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại Toà án và tại phiên toà.

Tại phiên tòa: Ông T2 vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung đã trình bày. Bị đơn ông T, bà L có mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 274, 275, 280, 288, 430, 434, 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoàng O, buộc ông T, bà L có trách nhiệm liên đới thanh toán trả cho bà O tổng số tiền nợ gốc là 1.318.549.000 đồng. Bà O tự nguyện không yêu cầu ông T, bà L phải trả tiền lãi suất nên không đặt ra việc giải quyết.

- Về án phí: Ông Phạm Văn T, bà Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có đủ cơ sở xác định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn bà O vắng mặt nhưng đã có uỷ quyền cho ông Tấn. Ông Tấn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông T, bà L có mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt ông Tấn.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết*: Bà Nguyễn Thị Hoàng O buôn bán nhỏ lẻ không có đăng ký kinh doanh. Còn ông T, bà L không đăng ký kinh doanh, mua cám với mục đích phục vụ cho nhu cầu chăn nuôi của gia đình nên việc bà O khởi kiện yêu cầu buộc ông T, bà L cùng liên đới trả tiền mua cám còn nợ là vụ án dân sự thuộc quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 430 Bộ luật dân sự. Nguyên đơn khởi kiện ông T, bà L tại Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương nhưng do ông T, bà L cùng cư trú tại thôn Viên Chử, xã

Kim Tân, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương nên Toà án nhân dân thị xã Bến Cát đã chuyển vụ án về Toà án nhân dân huyện Kim Thành để giải quyết theo thẩm quyền. Xét thấy ông T, bà L cư trú tại huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] *Về thời hiệu khởi kiện*: Bà Nguyễn Thị Hoàng O và ông T, bà L xác lập giao dịch mua bán cám và xác nhận nợ từ ngày 18/8/2016 đến ngày 29/8/2018 với tổng số tiền là 1.363.549.000 đồng. Trong năm 2018 - 2019 ông T, bà L đã trả bà O với tổng số tiền là 45.000.000đ. Đến tháng 9/2021 bà O khởi kiện ông T, bà L đòi số tiền còn nợ nên đối chiếu theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì khởi kiện của bà O vẫn còn thời hiệu.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Bà O khởi kiện yêu cầu ông T, bà L phải trả số tiền mua cám còn thiếu là 1.318.549.000 đồng. Bà O xác định số tiền trên là tiền riêng của bà không phải là tài sản chung của bà và ông Thiệp. Ông Thiệp cũng xác định đó là tài sản riêng của bà O. Căn cứ cho yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đưa ra là giấy xác nhận nợ của bị đơn về việc mua bán cám. Trong lời khai của mình và tại phiên toà ông T và bà L đều khẳng định gia đình trước đây có chăn nuôi lợn và có mua cám của bà O và đều thừa nhận còn nợ lại tiền cám của bà O tổng số tiền là 1.318.549.000 đồng như giấy mua cám mà bà O đã xuất trình. Việc các bên có giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi với nhau là tự nguyện và đúng sự thật. Sau khi kết thúc việc mua bán các bên đều xác nhận có việc thanh toán và chốt nợ với nhau. Ông T, bà L xác nhận nợ tiền cám của bà O là 1.363.549.000 đồng và đã trả được 45.000.000 đồng, hiện còn nợ tiền cám của bà O là 1.318.549.000 đồng. Do đó yêu cầu khởi kiện đòi tiền cám còn nợ là 1.318.549.000 đồng của bà O đối với ông T, bà L là có căn cứ, được chấp nhận.

Về số tiền nợ lãi: Bà O không yêu cầu ông T, bà L phải trả tiền lãi đối với số nợ gốc trên nên không đặt ra việc giải quyết.

[5] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án. Ông T, bà L có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 429, 430, 434, 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng O.

2/ Buộc ông Phạm Văn T và bà Trần Thị L có trách nhiệm liên đới ngang nhau trả cho bà Nguyễn Thị Hoàng O số tiền nợ gốc là 1.318.549.000 đồng *(Một tỉ ba trăm mười tám triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn đồng).*

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3/ Về án phí: Ông Phạm Văn T và bà Trần Thị L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 51.556.470 đồng *(Năm mươi mốt triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm bảy mươi đồng).*

Hoàn trả bà Nguyễn Thị Hoàng O số tiền 25.778.235 đồng tạm ứng án phí bà O đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0004656 ngày 05/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

4/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Kim Thành;*
- *Chi cục THA dân sự thị xã Bến Cátz, tỉnh Bình Dương;*
- *Chi cục THA dân sự huyện Kim Thành;*
- *Lưu: Hồ sơ, văn phòng.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Đỗ Thị Hạnh